

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 30 – 7 – 2021
V/v: *Kiến xin ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Xuân Hiền

Bà Lê Thị Thuý Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trương Lê H, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Số A đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Thái Thị Thùy T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số A đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ cần báo: Khôi X, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/4/2021, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trương Lê H trình bày: Anh và chị Thái Thị Thùy T có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2017 tại UBND phường H (nay là phường Đ), thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết và hàn gắn. Nguyên nhân mâu thuẫn là

do tính tình khác biệt, bất đồng quan điểm sống, không thể có tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng và gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay anh H thấy mâu thuẫn không hòa giải được, vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong muốn được Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- *Về nuôi con chung*: Anh H trình bày, quá trình chung sống anh và chị T có 01 con chung là cháu Trương Thái T, sinh ngày 26/10/2017. Hiện nay cháu Thái T đang sinh sống cùng với chị T; nguyện vọng của anh H sau khi ly hôn là giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì hiện nay cháu đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc, yêu thương của người mẹ. Anh H sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 12/3/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn chị Thái Thị Thùy T trình bày: Chị và anh Trương Lê H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2017 tại UBND phường H (nay là phường Đ), thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống sau khi kết hôn thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình khác biệt, bất đồng quan điểm. Bản thân chị T đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại Nghệ An sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Tại bản tự khai chị T mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc, nuôi dưỡng con cái trưởng thành nhưng xét thấy vợ chồng sống ly thân đã khá lâu, bỏ mặc, không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng không còn nên trong đơn xin xét xử vắng mặt, chị T cũng đồng ý ly hôn.

- *Về nuôi con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Thái T, sinh ngày 26/10/2017. Hiện nay cháu Thái T đang sinh sống cùng với chị T; nguyện vọng của chị T muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thái T vì hiện nay cháu đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc, yêu thương của người mẹ. Chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự. Anh H và chị T đã đến Tòa án để làm bản tự khai. Tuy nhiên, sau khi nhận được thông báo phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị T đã làm đơn gửi Tòa án trình bày về việc hiện nay chị T đang ở vùng dịch, phải thực hiện cách ly dịch bệnh Covid-19 nên không thể có mặt tại phiên họp theo thông báo của Tòa án đồng thời đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện về thời gian, đợi tình hình dịch bệnh ổn định sẽ có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau khi xét thấy tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến ngày càng phức tạp, việc đi lại giữa các tỉnh thành nhất

là các tỉnh đang có dịch bệnh rất khó khăn nên chị T đã làm đơn xin Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành tổng đạt cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Trương Lê H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là nơi bị đơn chị Thái Thị Thùy Trang có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số A đường T, phường Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Thái Thị Thùy T đã đến Tòa án để làm bản tự khai. Sau khi Tòa án tổng đạt thông báo phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do hiện đang ở vùng có dịch bệnh và đang thực hiện cách ly dịch bệnh Covid-19 nên không thể có mặt để tham gia phiên họp theo đúng thời gian mà Tòa án đã triệu tập. Chị T đã làm đơn trình bày sự việc, sau đó tiếp tục làm đơn xin xét xử vắng mặt, có xác nhận của chính quyền địa phương UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Thái Thị Thùy T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Lê H và chị Thái Thị Thùy T đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2017 tại UBND phường H (nay là phường Đ), thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi kết hôn anh chị chung sống không có hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do sự khác biệt về tính cách, bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng. Sau nhiều cố gắng hòa giải để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng thì đầu năm 2021, chị T đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ đó cho đến nay, bỏ mặc, không có trách nhiệm gì với nhau. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc, anh H làm đơn xin ly hôn, chị T cũng nhất trí ly hôn nên Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của anh H và chị T.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh H và chị T đều thống nhất: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Thái T, sinh ngày 26/10/2017. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng với chị T. Anh H và chị T đều thống nhất giao con chung là cháu Trương Thái T, sinh ngày 26/10/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T có yêu cầu và anh H cũng có nguyện vọng cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con của chị T và nguyện vọng cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh H là chính đáng, thể hiện trách nhiệm của người làm cha mẹ đối với con cái và hoàn toàn phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Anh H và chị T trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại đơn xin xét xử vắng mặt của chị T và tại phiên tòa hôm nay, anh H không có phát sinh thêm yêu cầu gì về vấn đề tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu 300.000 đồng. Anh H, chị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Tuy nhiên anh H thỏa thuận chịu nộp thay chị T tổng cộng số tiền 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Trương Lê H phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Lê H và chị Thái Thị Thùy T.

2. *Về nuôi con chung:* Giao 01 con chung là cháu Trương Thái T, sinh ngày 26/10/2017 cho chị Thái Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trương Lê H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. *Về án phí:*

- *Án phí ly hôn sơ thẩm:* Các đương sự phải chịu 300.000 đồng. Anh H, chị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Tuy nhiên anh H thỏa thuận chịu nộp thay chị T tổng cộng số tiền 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0001861 ngày 26/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- *Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ:* Anh Trương Lê H phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/7/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Phúc Nam